BỘ XÂY DỰNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: /BC-BXD *(Dự thảo)*	*Hà Nội, ngày tháng 8 năm 2021*

BÁO CÁO
Đánh giá tác động Dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 1210/2016/NQ-UBTVQH13 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị

Theo quy định Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 và sửa đổi bổ sung năm 2020, Chính phủ đã tiến hành xây dựng báo cáo đánh giá tác động của Dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 1210/2016/NQ-UBTVQH13 với các nội dung cụ thể như sau:

I. XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ BẤT CẬP TỔNG QUAN

1. Bối cảnh xây dựng chính sách

Năm 2016, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 1210/2016/NQ-UBTVQH13 (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 1210) về phân loại đô thị. Sau 05 năm triển khai thực hiện Nghị quyết số 1210, công tác phân loại đô thị đã cơ bản thưc hiện được các kết quả như: (i) hoàn thiện hệ thống đô thị Việt Nam; (ii) Phân loại đô thị là cơ sở để hình thành đơn vị hành chính đô thị; (iii) sắp xếp, sáp nhập các đơn vị hành chính đô thị giai đoạn 2019-2021; (iv) xây dựng cơ chế chính sách trong quy hoạch và phát triển đô thị. Giai đoạn vừa qua, Ủy ban Thường vụ quốc hội cũng đã có nhiều văn bản chỉ đạo, điều hành về công tác phân loại đô thị như:

Ngày 17/4/2018, Ủy ban Thường vụ Quốc đã có Văn bản số 262/UBTVQH14-PL, theo đó yêu cầu: *"Chính phủ chỉ đạo Bộ Xây dựng, các Bộ, Ngành, liên quan và chính quyền địa phương thực hiện nghiêm quy định của Nghị quyết số 1210 và đề nghị lưu ý một số nội dung sau đây: (i) Đối với đô thị được công nhận loại đô thị trước ngày 25/5/2016 (ngày Nghị quyết số 1210 có hiệu lực thi hành) mà phạm vi phân loại đô thị không trùng với phạm vi ranh giới đơn vị hành chính dự kiến thành lập thì khi lập đề án thành lập phải rà soát, đánh giá lại toàn bộ đơn vị hành chính dự kiến thành lập để công nhận loại đô thị phù hợp, không chỉ đánh giá khu vực dự kiến mở rộng nội thành, nội thị để thành lập quận, phường hoặc khu vực dự kiến sáp nhập vào đơn vị hành chính đô thị; (ii) Chỉ sau khi đã có văn bản đánh giá, phân loại đô thị của cơ quan có thẩm quyền thì mới tiến hành các thủ tục lấy ý kiến nhân dân, lấy ý kiến Hội đồng nhân dân các cấp và tiến hành các thủ tục pháp lý khác để thành lập đơn vị hành chính đô thị".*

Triển khai thực hiện Nghị Quyết số 37/NQ-TW ngày 24/12/2018 của Ban Chấp hành Trung ương về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2019-2021, ngày 12/3/2019 Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 653/2019/UBTVQH14 (viết tắt là Nghị quyết số 653), quy định một số trường hợp đặc biệt: *"(i) Khi nhập huyện có diện tích tự nhiên, quy mô dân số chưa đạt tiêu chuẩn quy định tại Nghị quyết số 1211 vào thành phố thuộc tỉnh hoặc thị xã liền kề và (ii) Khi điều chỉnh một hoặc một số đơn vị hành chính cấp xã của đơn vị hành chính cấp huyện liền kề để nhập vào thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì không xem xét điều kiện về sự phù hợp với định hướng quy hoạch, chương trình phát triển đô thị và tiêu chuẩn về đơn vị hành chính trực thuộc đối với đơn vị hành chính dự kiến hình thành sau khi sắp xếp. Các tiêu chuẩn về cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội, trình độ phát triển cơ sở hạ tầng và kiến trúc cảnh quan đô thị phải được Bộ Xây dựng đánh giá đạt từ 50% trở lên tiêu chuẩn của loại đô thị hiện có quy định tại Nghị quyết số 1210; Khi nhập xã hoặc điều chỉnh một phần diện tích tự nhiên, dân số của xã vào phường, thị trấn liền kề để giảm đơn vị hành chính và hình thành đơn vị hành chính đáp ứng đủ tiêu chuẩn quy định tại Nghị quyết số 1211 thì không xem xét điều kiện về sự phù hợp với định hướng quy hoạch, chương trình phát triển đô thị và tiêu chuẩn về cơ cấu, trình độ phát triển kinh tế - xã hội, trình độ phát triển cơ sở hạ tầng quy định tại Nghị quyết số 1210 đối với đơn vị hành chính dự kiến hình thành sau khi sắp xếp".*

Thực hiện Nghị quyết 54-NQ/TW năm 2019 về xây dựng và phát triển tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, ngày 24/3/202, Ủy Ban Thường vụ Quốc hội có văn bản số 775/UBTVQH14-PL về việc ban hành cơ chế chính sách đăc thù đối với Thừa Thiên Huế, theo đó yêu cầu: "…*nghiên cứu, bổ sung các quy định áp dụng đối với đô thị có tính chất đặc thù và việc thành lập đơn vị hành chính đô thị đối với khu vực có giá trị đặc biệt về di sản văn hóa, lịch sử và du lịch*" để thực hiện Nghị quyết số 54-NQ/TW năm 2019 về xây dựng và phát triển tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Triển khai những văn bản chỉ đạo của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ đã có các Văn bản: số 1077/VPCP-QHĐP ngày 24/12/2020 về việc thực hiện kết luận của Ủy ban Thường vụ Quốc hội tại phiên họp 51; số 2788/VPCP-QHĐP ngày 27/4/2021 về việc ban hành một số cơ chế, chính sách đặc thù đối với Thừa Thiên Huế và số 3329/VPVP-QHĐP ngày 20/5/2021 về việc thực hiện kết luận phiên họp thứ 55 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Bộ Xây dựng đã phối hợp với các Bộ, Ngành, địa phương Tổng kết tình hình thực hiện Nghị quyết số 1210 và có Báo cáo 76/BC-BXD báo cáo Thủ tướng Chính phủ "Tổng kết tình hình thực hiện Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Phân loại đô thị và đề xuất sửa đổi, bổ sung".

Do vậy, việc xây dựng Nghị quyết sửa đổi Nghị quyết sô 1210 là phù hợp với những định hướng Chỉ đạo và đáp ứng cơ sở thực tiễn thi hành văn bản pháp luật trong thời gian vừa qua.

2. Quan điểm và mục tiêu

1. Quan điểm

Việc sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 1210 nhằm hoàn thiện hệ thống pháp luật về phân loại đô thị theo hướng tập trung đánh giá chất lượng đô thị; phát triển đô thị theo quy hoạch và chương trình kế hoạch; quản lý chặt chẽ quá trình phân loại đô thị để hình thành mới, mở rộng đơn vị hành chính đô thị; thúc đẩy đô thị hóa, phát triển đô thị, phát triển kinh tế đô thị; giảm chênh lệch về trình độ phát triển giữa các đô thị vừa và nhỏ với các đô thị lớn; đảm bảo sự phân bố đồng đều, hợp lý hệ thống đô thị trên cả nước và từng vùng.

2. Mục tiêu

- Cụ thể hóa các quy định của Luật Quy hoạch đô thị, Luật Tổ chức chính quyền địa phương về phân loại đô thị và quan hệ giữa phân loại đô thị và thành lập đơn vị hành chính đô thị.

- Hoàn thiện bộ tiêu chí, tiêu chuẩn phân loại đô thị, quy trình, thủ tục lập thẩm định, phê duyệt đề án phân loại đô thị; rà soát tiêu chí, tiêu chuẩn phân loại đô thị; đánh giá các tiêu chuẩn cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội; Trình độ phát triển cơ sở hạ tầng và kiến trúc, cảnh quan đô thị; các tiêu chuẩn về trình độ phát triển cơ sở hạ tầng và kiến trúc, cảnh quan khu vực ngoại thành, ngoại thị; Các tiêu chuẩn về trình độ phát triển cơ sở hạ tầng áp dụng đối với khu vực dự kiến thành lập phường, quận;

- Xác định rõ trình tự thủ tục, thẩm quyền, trách nhiệm của các cơ quan Trung ương, các cấp chính quyền địa phương trong việc phân loại đô thị phù hợp với quy định của Luật Quy hoạch đô thị, Luật Tổ chức chính quyền địa phương và các văn bản pháp luật có liên quan.

- Xây dựng tiêu chuẩn, tiêu chí phân loại đô thị áp dụng đối với trường hợp đặc thù cho đô thị có giá trị đặc biệt về di sản, văn hóa du lịch để làm cơ sở hình thành các đơn vị hành chính đô thị.

(1)Tiếp tục thể chế hóa Nghị quyết của Đảng, Nhà nước về phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

(2) Tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong hoạt động đầu tư xây dựng, đáp ứng tốt hơn nữa yêu cầu tạo điều kiện thuận lợi, minh bạch, bình đẳng cho người dân và doanh nghiệp.

(3) Khắc phục những hạn chế, bất cập trong thực tiễn thi hành pháp luật về đầu tư xây dựng.

(4) Bảo đảm sự đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật.

II. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH

II.1. Xác định các chính sách

Để đạt được các mục tiêu sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1210 về phân loại đô thị, Bộ Xây dựng Báo cáo đánh giá tác động chính sách. Theo đó, Báo cáo đánh giá tác động tập trung vào 02 chính sách lớn, bao gồm:

- Chính sách 1: Ap dụng đánh giá theo vùng miền trong phân loại đô thị

- Chính sách 2: Áp dụng tính chất đặc thù trong đánh giá phân loại đô thị

- Chính sách 3: Tăng cường vai trò, trách nhiệm quản lý, kiểm tra giám sát về phân loại đô thị

II.2. NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG ĐỐI VỚI TỪNG CHÍNH SÁCH

1. Chính sách 1: Áp dụng phân loại đô thị theo vùng miền

1.1. Xác định vấn đề bất cập:

(1) Về quy định tiêu chí quy mô dân số là 1/5 tiêu chí phân loại đô thị gồm 02 tiêu chuẩn là tiêu chuẩn quy mô dân số toàn đô thị, quy mô dân số nội thị tương ứng theo 6 loại đô thị được quy địn tại khoản 2. Điều 3, Điều 4, Điều Điều 6, Điều 7, Điều 8.

Viêc thẩm định Đề án phân loại đô thị yêu cầu tiêu chí quy mô này phải đạt mức tối thiểu theo quy định. Sau 05 năm thi hành Nghị quyết số 1210, Bộ Xây dựng đã thẩm định 70 đề án đề Nghị công nhận loại đô thị và Ủy ban nhân dân tỉnh thẩm định 195 đô thị loại V, nhiều đô thị đã không đạt được tiêu chuẩn quy mô dân số toàn đô thị theo các mức quy định tương ứng với các loại đô thị. Cụ thể 38/70 đô thị không đạt mức quy định về quy mô dân số đô thị theo các loại đô thị, chủ yếu

Tổng kết đánh giá tại các địa phương báo cáo phần lớn đều đề cập đến nội dung này1, chủ yếu các nội dung ảnh hưởng đến yếu tố vùng miền là quy mô dân số, mật độ dân số và trình độ phát triển kinh tế - xã hội. Các tỉnh thuộc khu vực miền núi phía bắc cho rằng tỉnh miền núi, có đường biên giới (Cao Bằng, Lai Châu) hoặc phân bố địa hình nhiều đồi núi (Hòa Bình, Lai Châu, Sơn La) có đặc điểm phân bố dân cư và quy mô dân số rất hạn chế, điều kiện đầu tư, thu hút nguồn lực phát triển đô thị còn chậm hơn các tỉnh khác, tương tự như vậy với vùng Tây Nguyên. Các tỉnh vùng Duyên hải Nam trung Bộ thì cho rằng với quy mô dân số theo Nghị quyết số 1210 là quá lớn so với khu vực miền trung, đăc biệt là đô thị loại I, II, thành phố Đà Nẵng (đô thị loại I trực thuộc Trung ương) có quy mô dân số cũng chỉ đạt ngưỡng trên của đô thị loại I trực thuộc tỉnh sau khi đã được thành lập thành phố trực thuộc Trung ương 20 năm.

Bên cạnh đó với đặc thù vùng miền, địa lý mà miền, đặc thù điều kiện phát triển kinh tế xã hội, ứng phó biến đổi khí hậu và các trường hợp đặc thù, đặc biệt. Nhiều đô thị có quy mô dân số rất thấp so với quy định của Nhị quyết số 1210.

(1) Về quy định tiêu chí mật độ dân số gồm 02 tiêu chuẩn là tiêu chuẩn mật độ dân số toàn đô thị, quy mô dân số nội thị tương ứng theo 6 loại đô thị được quy định tại khoản 3. Điều 3, Điều 4, Điều Điều 6, Điều 7, Điều 8.

Theo hướng dẫn tại phụ lục Nghị quyết 1210 thì phương pháp xác định mật độ dân số toàn đô thị và mật độ dân số nội thị như sau:

- Mật độ dân số toàn đô thị được tính bằng quy mô dân số toàn đô thị

---

[1] 16 tỉnh Cao Bằng, Thái Nguyên, Hòa Bình, Điện Biên, Bắc Kạn, Lai Châu, Lào Cai, Lạng Sơn, Quảng Ninh, Quảng Trị, Huế, Phú Yên, Gia Lai, Đăk Nông, Hồ Chí Minh, Đồng Tháp.

(người) trên diện tích đất tự nhiên toàn đô thị (km^2).

- Mật độ dân số nội thành, nội thị được tính bằng quy mô dân số nội thành, nội thị trên diện tích đất xây dựng trong khu vực nội thành, nội thị. Diện tích đất xây dựng đô thị trong khu vực nội thành, nội thị không bao gồm các diện tích tự nhiên như núi cao, mặt nước, không gian xanh (vùng sinh thái, khu dự trữ thiên nhiên được xếp hạng về giá trị sinh học...) và các khu vực cấm không được xây dựng (km^2).

Với 2 tiêu chuẩn trên, sau 5 năm triển khai thực hiện, nhiều đô thị chỉ đạt được mức tối thiểu, nguyên nhân là một số đô thị vùng miền như miền núi, vùng cao, Tây Nguyên, Đồng bằng sông Cửu Long do tính chất địa hình nhiều đồi núi, rừng đặc dụng, khu bảo tồn thiên nhiên, chia cắt bởi mạng lưới sông mà mật độ dân số đô thị có tại các vùng khác nhau cũng khác nhau.

Công tác thẩm định tại Bộ Xây dựng cho thấy, có 34/70 đô thị không đạt, vì vậy đối với các đô thị quy mô dân số đông mà diện tích đô thị không quá lớn thì các tiêu chuẩn mới đáp ứng được quy định, đặc biệt là dân số nội thị. Điều này phù hợp với thực tế hiện nay của các vùng, Trong 6 vùng kinh tế - xã hội thì mật số dân số/diện tích đất tự nhiên thấp nhất là vùng Tây Nguyên là 107 người/km^2; vùng Trung du Miền núi phía Bắc là 132 người/km^2, tương ứng với đó là tỷ lệ đô thị hóa hai vùng có đô thị hóa thấp nhất là Vùng Trung du miền núi phía bắc là 22,2% và Vùng ĐBSCL là 31,5%. Do vậy khi thực hiện tổng kết đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết số 1210, cho thấy các vùng Trung du Miền núi phía Bắc và ĐBSCL, Tây Nguyên có đề xuất kiến nghị xem xét theo vùng miền đối với tiêu chuẩn này.

(3) Về quy định trình độ cơ sở hạ tầng và kiến trúc cảnh quan đô thị gồm 39 tiêu chuẩn theo các nhóm tiêu chuẩn về Hạ tầng xã hội, Hạ tầng kỹ thuật, Nhóm tiêu chuẩn về vệ sinh môi trường, nhóm tiêu chuẩn về Kiến trúc cảnh quan đô thị và được quy định tại phụ lục 1,2 của Nghị quyết số 1210

Hệ thống tiêu chuẩn đánh giá đối với tiêu chí trình độ phát triển cơ sở hạ tầng và kiến trúc cảnh quan đô thị đều được xem theo các tiêu chuẩn về công trình và nhóm tiêu chuẩn định mức theo quy chuẩn, tiêu chuẩn quy hoạch đô thị. Tuy nhiên đối với hệ thống nhóm tiêu chuẩn này nhiều đô thị cũng gặp những khó khăn do điều kiện phát triển kinh tế - xã hội thuộc các địa bàn đặc biệt khó khăn, công tác đầu tư, thu hút nhà đầu tư trong phát triển đô thị không được như các vùng khác. Do vậy về chất lượng đô thị cũng ảnh hưởng khá nhiều, đó là chất lượng đô thị tại vùng Trung du miền núi phía Bắc sẽ khác vùng đồng Bằng sông Hồng. Hay những vùng chịu nhiều thiên tai, biến đổi khí hậu và nước biển dâng, công tác đầu tư xây dựng công trình hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật đều vướng phải những khó khăn nhất định do chịu nhiều rủi ro biến đổi khí hậu, công tác lựa chọn khu vực xây dựng hạ tầng kỹ thuật đô thị cũng gặp nhiều khó khăn.

Trong 05 vừa qua, nhiều đô thị được xem xét được công nhận loại trong đó nhiều tiêu chuẩn còn khó đạt được, đặc biệt là các tiêu chuẩn về giao thông, vệ sinh môi trường nhiều đô thị không đạt được như quy định, dẫn đến nợ các tiêu chí. Do vậy, các khu vực đặc biệt khó khăn, đô thị chịu tác động của Biến đổi khí

hậu sẽ cần nhiều thời gian hơn đối với các khu vực thuận lợi trong hoàn thiện tiêu chí trình độ cơ sở phát triển hạ tầng và kiến trúc cảnh quan đô thị của các loại đô thị tương ứng.

1.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề:

Tháo gỡ các vướng mắc, bất cập trong thực tế cho các địa phương khi thực hiện phân loại đô thị, đánh giá phân loại trên cơ sở xét điều kiện phát triển từng vùng, từng địa phương góp phần xây dựng đô thị tạo động lực cho các vùng phát triển kinh tế - xã hội

1.3. Các giải pháp giải quyết vấn đề:

a) Giải pháp 1: Giữ nguyên như quy định hiện hành

Nếu giữ nguyên như hiện nay thì các vấn đề tồn tại, hạn chế, khó khăn như đã nêu tại điểm 1.1. mục 1 phần II.2 của Báo cáo này sẽ không được giải quyết, cụ thể là:

(1) Về quy mô dân số: Giữ theo quy định của Nghị quyết số 1210, dân số được quy định theo các loại đô thị tương ứng, không xem xét điều chỉnh giảm hay hệ số vùng miền cho các vùng kinh tế xã hội

Tác động của giải pháp:

- Về kinh tế: Đề đáp ứng với mục tiêu đô thị hóa, phát triển đô thị nhiều địa phương sẽ phải mở rộng không gian đô thị lấy dân số khu vực mở rộng để đảm bảo theo quy định, do đó việc đầu tư cơ sở hạ tầng cho khu vực mở rộng sẽ tốn kém, nhiều thời gian, giảm dần vị thế đô thị khi phải mở rộng không gian khi mà quá trình đô thị hóa chưa theo kịp.

- Về xã hội: Không giải quyết vấn đề tồn tại trong thời gian vừa qua, đó là nhiều đô thị có quá trình đầu tư hoàn thiện chất lượng đô thị hướng đến mục tiêu phân loại đô thị, tuy nhiên khi xem xét lại không đạt so với quy định về quy mô dân số.

- Về giới: Chính sách này không tác động đến giới

- Về thủ tục hành chính: Chính sách này không tác động đến thủ tục hành chính.

(2) Về quy định tiêu chí mật độ dân số: Giữ nguyên như quy định tại Nghị quyết số 1210, theo dó việc xem tiêu chuẩn mật độ dân số trên diện tích đất tự nhiên hay đơn vị hành chính, tiêu chuẩn mật độ dân số khu vực nội thành, nội thị cũng xem xét trên diện tích đất xây dựng nội thành, nội thị.

Tác động của giải pháp:

- Về kinh tế: Với quy định như vậy thì nhiều đô thị có đặc thù điều kiện địa lý khác nhau sẽ không đảm bải tính phù hợp của địa phương

- Về xã hội: Không giải quyết vấn đề tồn tại trong thời gian vừa qua, đó là nhiều đô thị đặc điểm địa hình, địa lý dẫn đến những phân bố dân cư không phù hợp với đặc điểm vùng miền

- Về giới: Chính sách này không tác động đến giới

- Về thủ tục hành chính: Chính sách này không tác động đến thủ tục hành chính.

(3) Về quy định trình độ cơ sở hạ tầng và kiến trúc cảnh quan đô thị: Giữa lại theo quy định gồm 39 tiêu chuẩn theo các nhóm tiêu chuẩn về Hạ tầng xã hội, Hạ tầng kỹ thuật, nhóm tiêu chuẩn về vệ sinh môi trường, nhóm tiêu chuẩn về Kiến trúc cảnh quan đô thị và được quy định tại phụ lục 1,2 của Nghị quyết số 1210.

Tác động của giải pháp:

- Về kinh tế: Với quy định như vậy thì nhiều đô thị phải có nguồn lực, thời gian để đáp ứng được tiêu chuẩn phân loại đô thị, do vậy hạn chế việc hình thành đô thị, đơn vị hành chính đô thị tạo động lực phát triển kinh tế-xã hội cho đô thị.

- Về xã hội: Không giải quyết vấn đề tồn tại trong thời gian vừa qua đối với các đô thị có địa bàn đặc biệt khó khăn hoặc khu vực chịu tác động của Biến đổi khí hậu và nước biển dâng.

- Về giới: Chính sách này không tác động đến giới

- Về thủ tục hành chính: Chính sách này không tác động đến thủ tục hành chính.

b) Giải pháp 2: Áp dụng hệ số vùng miền cho đánh giá phân loại đô thị

(1) Về quy mô dân số đô thị: Đề xuất hệ số vùng miền trong đánh giá quy mô dân số theo các vùng như: Vùng Trung du Miền núi phía Bắc, Tây Nguyên đánh giá có thể thấp hơn nhưng tối thiểu đạt 60% mức quy định; Vùng Bắc trung Bộ và duyên hải miền Trung áp dụng 60% mức quy định; Vùng Đồng bằng sông Cửu Long áp dụng 70% mức quy định; đô thị có đường biên giới quốc gia áp dụng mức 50% so với quy định; đô thị hải đảo áp dụng 30% mức quy định.

Tác động của giải pháp:

- Về kinh tế: Với quy định như vậy không tác động đến kinh tế.

- Về xã hội: Giải quyết định được các vướng mắc trong thời gian qua của địa phương kiến nghị đề xuất, phù hợp với các yếu tố đặc trưng vùng miền mà kết quả điều tra dân số có những nhận định về phân bố dân cư trong giai đoạn qua.

- Về giới: Chính sách này không tác động đến giới

- Về thủ tục hành chính: Chính sách này không tác động đến thủ tục hành chính.

(2) Về mật độ dân số: Đề xuất hệ số vùng miền trong đánh giá mật độ dân số đối với tiêu chuẩn mật độ dân số tính trên diện tích đất tự nhiên như sau: Vùng Trung du Miền núi phía Bắc, Tây Nguyên đánh giá có thể thấp hơn nhưng tối thiểu đạt 50% mức quy định; Vùng Bắc trung Bộ và duyên hải miền Trung áp dụng 70% mức quy định; Vùng Đồng bằng sông Cửu Long áp dụng 70% mức quy định; đô thị có đường biên giới quốc gia áp dụng mức 70% so với quy định; đô thị hải đảo áp dụng 30% mức quy định.

Tác động của giải pháp:

- Về kinh tế: Với quy định như vậy không tác động đến kinh tế.

- Về xã hội: Giải quyết định được các vướng mắc trong thời gian qua của địa phương kiến nghị đề xuất, phù hợp với các yếu tố đặc trưng vùng miền

- Về giới: Chính sách này không tác động đến giới

- Về thủ tục hành chính: Chính sách này không tác động đến thủ tục hành chính.

(3) Về trình độ phát triển kinh tế xã hội: Đề xuất hệ số vùng miền trong đánh giá về trình độ phát triển kinh tế xã hội như sau: đô thị có đường biên giới quốc gia áp dụng mức 70% so với quy định; đô thị hải đảo áp dụng 30% mức quy định; đô thị loại III, IV và V tại các địa bàn đặc biệt khó khăn theo danh mục địa bàn ưu đãi đầu tư của Chính phủ quy định áp dụng mức 70%; đô thị chịu ảnh hưởng của Biến đổi khí hậu theo danh mục do Thủ tướng phê duyệt áp dụng mức 70%.

Tác động của giải pháp:

- Về kinh tế: Đối với các đô thị từ loại III. IV và V tại các địa bàn đặc biệt khó khăn quy định này có tác động tích cực, thúc đẩy công tác đầu tư theo các cơ chế ưu tiên thúc đẩy phát triển cho các vùng khó khăn cũng như các đô thị chịu ảnh hưởng của Biến đổi khí hậu.

- Về xã hội: Tác động tích cực, khuyến khích các đô thị phát triển theo ưu tiên được xác định.

- Về giới: Chính sách này không tác động đến giới

- Về thủ tục hành chính: Chính sách này không tác động đến thủ tục hành chính.

1.4. Kiến nghị: Lựa chọn giải pháp 2.

2. Chính sách 2: Áp dụng tính chất đặc thù trong đánh giá phân loại đô thị

2.1. Xác định vấn đề bất cập:

(1) Đô thị khu vực dự kiến hình thành đô thị theo yêu cầu cần bảo tồn phát huy giá trị đặc biệt về di sản văn hóa, lịch sử, thiên nhiên và du lịch đã được cấp quốc gia và quốc tế công nhận

Nghị quyết số 54-NQ/TW của Bộ Chính trị ngày 10/01/2019 về Xây dựng và phát triển tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2030, tầm nhìn đến 2045 đã đặt ra mục tiêu xây dựng Thừa Thiên Huế trở thành thành phố trực thuộc Trung ương trên nền tảng bảo tồn, phát huy giá trị di sản cố đô và bản sắc văn hóa Huế. Tuy nhiên, khi xem xét đánh giá phân loại đô thị loại I của thành phố trực thuộc Trung ương thì việc áp dụng đối với Thừa Thiên Huế còn nhiều vướng mắc. Đó là Nghị quyết số 1210 chưa quy định chi tiết đối với trường hợp đô thị trực thuộc Trung ương áp dụng tiêu chí đặc thù về di sản văn hóa cũng như phạm vi đánh giá phân loại đô thị đối với trường hợp dự kiến thành lập thành phố trực thuộc Trung ương

không bao gồm quận nội thành.

Chính phủ đã có Tờ trình số 66/TTr-CP ngày 04/3/2021 về dự thảo Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về cơ chế, chính sách đặc thù đối với Thừa Thiên Huế trở thành thành phố trực thuộc Trung ương trên nền tảng bảo tồn và phát huy giá trị di sản cố đô và bản sắc văn hóa Huế. Theo đó, Chính phủ đề xuất các tiêu chí đặc thù để đánh giá phân loại đô thị đối với Thừa Thiên Huế. Tuy nhiên, Ủy ban Thường vụ đã có văn bản số 775/UBTVQH-PL ngày 23/3/2021 về việc ban hành một số cơ chế chính sách đặc thù đối với Thừa Thiên Huế, đề nghị Chính phủ khẩn trương tổ chức tổng kết quy định có liên quan đến Nghị quyết số 1210/2016/NQ-UBTVQH13, trong đó lưu ý chú trọng nghiên cứu, bổ sung các quy định đối với các đô thị có tính chất đặc thù và việc thành lập đơn vị hành chính đô thị đối với khu vực có giá trị đặc biệt về di sản, văn hóa và du lịch.

(2) Đô thị, khu vực dự kiến hình thành đô thị được quy hoạch và đầu tư xây dựng quản lý phát triển thành đô thị thông minh - sáng tạo, khoa học- công nghệ.

Hòa nhập với xu thế phát triển trên thế giới hướng đến các mục tiêu phát triển bền vững, một số mô hình phát triển đô thị mới đã được Thủ tướng Chính phủ ban hành[2] như mô hình phát triển đô thị tăng trưởng xanh, sinh thái, thông minh bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu. Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia giai đoạn 2021-2030 cũng xác định mục tiêu chiến lược đối với phát triển đô thị là "Đẩy nhanh tốc độ, nâng cao chất lượng đô thị hóa và kinh tế đô thị. Xây dựng cơ chế chính sách thúc đẩy phát triển hệ thống đô thị hài hòa, phù hợp với tiềm năng lợi thế của từng vùng và địa phương"[3].

Đây là mô hình mới nhằm định hướng đô thị có nhiều ưu thế hơn về trình độ phát triển cơ sở hạ tầng, đặc biệt là sử dụng các giải pháp công nghệ 4.0, kinh tế số hướng đến một đô thị có chức năng vượt trội về đô thị thông minh, đô thị xanh, sinh thái, chất lượng sống của người dân hoàn thiện hơn. Hiện Nghị quyết số 1210 chưa đề cập đến nội dung này.

2.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề:

Đáp ứng các mô hình đô thị đặc thù được trước những yêu cầu bảo tồn phát huy giá trị đặc biệt về di sản văn hóa, lịch sử, thiên nhiên và du lịch và hướng đến các mô hình đô thị trọng yếu về công nghệ, kinh tế số, đón đầu những cơ hội mới trong phát triển đô thị.

2.3. Các giải pháp giải quyết vấn đề

a) Giải pháp 1: Không quy định yếu tố đặc thù đối với trường hợp này

(1) Đô thị khu vực dự kiến hình thành đô thị theo yêu cầu cần bảo tồn phát huy giá trị đặc biệt về di sản văn hóa, lịch sử, thiên nhiên và du lịch đã được cấp quốc

---

[2] Các quyết định số 84/QĐ-TTg ngày 19/01/2018 phê duyệt Kế hoạch phát triển đô thị tăng trưởng xanh Việt Nam đến năm 2030; số 950/QĐ-TTg ngày 01/8/2018 phê duyệt Đề án phát triển đô thị thông minh bền vững Việt Nam giai đoạn 2018-2025 và định hướng đến năm 2030; số 438/QĐ-TTg ngày 25/3/2021 phê duyệt Đề án phát triển các đô thị Việt Nam ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021-2030.

[3] Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội Việt Nam giai đoạn 2021-2030

gia và quốc tế công nhận được đánh giá phân loại đô thị như các trường hợp khác.

Tác động của giải pháp:

- Về kinh tế: Đối với chính sách này sẽ là khó khăn với địa phương giữa bảo tồn các di sản và phát triển kinh tế, các đô thị do yêu cầu bảo tồn giá trị di sản văn hóa sẽ hạn chế việc phát triển nếu không có cơ chế chính sách hài hòa.

- Về xã hội: Tác động tiêu cực giữa nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội và yếu tố bảo tồn

- Về giới: Chính sách này không tác động đến giới

- Về thủ tục hành chính: Chính sách này không tác động đến thủ tục hành chính.

(2) Đô thị, khu vực dự kiến hình thành đô thị được quy hoạch và đầu tư xây dựng quản lý phát triển thành đô thị thông minh - sáng tạo, khoa học- công nghệ, không quy định đặc thù, việc phân loại đô thị thực hiện theo quy định của Nghị quyết số 1210 và một số yếu tố vùng miền

Tác động của giải pháp:

- Về kinh tế: Đối với chính sách này sẽ không khuyến khích đối với các đô thị có mục tiêu phát triển đô thị có xác định về phân loại đô thị và kết hợp tiếp cận với mô hình đô thị mới theo xu thế quốc tế, hạn chế động lực phát triển kinh tế đô thị.

- Về xã hội: Cộng đồng dân cư đô thị sẽ hạn chế cơ hội tiếp cận với đô thị thông minh, sáng tạo nâng cao tri thức cho các đô thị.

- Về giới: Chính sách này không tác động đến giới

- Về thủ tục hành chính: Chính sách này không tác động đến thủ tục hành chính.

a) Giải pháp 1: Quy định yếu tố đặc thù theo các hệ số áp dụng các tiêu chí phân loại đô thị

(1) Đô thị, khu vực dự kiến hình thành đô thị theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền về việc bảo tồn phát huy giá trị đặc biệt về di sản văn hóa, lịch sử, thiên nhiên và du lịch đã được cấp quốc gia và quốc tế công nhận thì các tiêu chí phân loại đô thị có thể thấp hơn nhưng tối thiểu phải đạt 60% mức quy định của loại đô thị tương ứng trừ các nhóm tiêu chuẩn về giao thông, vệ sinh môi trường và kiến trúc, cảnh quan đô thị thuộc tiêu chí trình độ phát triển cơ sở hạ tầng và kiến trúc cảnh quan phải đạt mức quy định của loại đô thị tương ứng;

Tác động của giải pháp:

- Về kinh tế: Đối với chính sách này sẽ cơ bản giải quyết các yêu cầu được đặt ra tại định hướng chỉ đạo của Đảng, Nhà nước, theo đối đối với trường hợp cho Thừa Thiên Huế, đặc thù về các nhóm tiêu chí phân loại đô thị. Đồng thời sẽ tác động đến huy động nguồn vốn đầu tư đối với các nhóm tiêu chuẩn yêu cầu bắt buộc như giao thông, vệ sinh môi trường và kiến trúc cảnh quan.

- Về xã hội: Tạo ra một môi trường văn hóa – du lịch văn minh, nhiều cơ

hội tiếp cận với mô hình đô thị văn minh, ưu tiên yếu tố bảo tồn di sản.

- Về giới: Chính sách này không tác động đến giới

- Về thủ tục hành chính: Chính sách này không tác động đến thủ tục hành chính.

(2) Đô thị, khu vực dự kiến hình thành đô thị được quy hoạch và đầu tư xây dựng quản lý phát triển thành đô thị thông minh - sáng tạo, khoa học- công nghệ thì tiêu chí quy mô dân số và mật độ dân số có thể thấp hơn nhưng tối thiểu đạt 60% mức quy định; các tiêu chí khác phải đạt mức quy định của loại đô thị tương ứng.

Tác động của giải pháp:

- Về kinh tế: Đối với chính sách này sẽ tạo điều kiện cho các đô thị được quy hoạch và đầu tư xây dựng quản lý phát triển thành đô thị thông minh - sáng tạo, khoa học- công nghệ, theo đó ưu tiên kinh tế số, kinh tế trí thức, tuy nhiên đáp ứng được mục tiêu phát triển đô thị, phân loại đô thị là cơ sở thực hiện khung chính sách trong phát triển đô thị.

- Về xã hội: Tạo ra một môi trường sáng tạo, thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao, hiệu quả về kinh tế, hiệu quả về xã hội. Đô thị không bị áp lực về quy mô, mật độ dân số cao, môi trường sống chất lượng hơn.

- Về giới: Chính sách này không tác động đến giới

- Về thủ tục hành chính: Chính sách này không tác động đến thủ tục hành chính.

2.4. Kiến nghị: Lựa chọn giải pháp 2.

3. Chính sách 3: Tăng cường vai trò, trách nhiệm quản lý, kiểm tra giám sát về phân loại đô thị

3.1. Xác định vấn đề bất cập:

Công tác phân loại đô thị được bắt đầu từ những năm 1980 thông qua các văn bản của Hội đồng Bộ trưởng, Nghị định của Chính phủ. Sau 25 năm công tác phân loại đô thị đã trở thành cơ sở căn cứ cho xây dựng cơ cơ sở để Chính phủ, Thủ tướng chính phủ các Bộ, Ngành và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo thẩm quyền tổ chức lập, phê duyệt quy hoạch đô thị, chương trình phát triển đô thị toàn tỉnh và từng đô thị; xây dựng cơ chế chính sách quy định về khung giá đất (Nghị định số 96/2019/NĐ-CP ngày 19/12/2019 của Chính phủ); phân bổ vốn ngân sách nhà nước (Quyết định số 46/2016/QĐ-TTg ngày 19/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ); quy định về thuế (Nghị định số 91/2014/NĐ-CP ngày 01/10/2014 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Nghị định quy định về thuế); quy định việc cho phép chuyển nhượng quyền sử dụng đất trong dự án đầu tư xây dựng kinh doanh nhà ở để bán hoặc kết hợp cho thuê (Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai); quy định về chi phí dịch vụ công ích đô thị (Thông tư số 14/2017/TT-BXD ngày 28/12/2017 của Bộ Xây dựng); ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng (Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày

19/05/2021 của Bộ Xây dựng, thay thế Thông tư số 22/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 ban hành QCVN 01:2019/BXD); hướng dẫn xác định và quản lý chi phí liên quan đến đầu tư phát triển đô thị (số 12/2017/TT-BXD ngày 30/11/2017); hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị (thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ Xây dựng) và một số cơ chế về định mức công tác phí, chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang và phụ cấp chức vụ lãnh đạo của một số ngành.

Nghị quyết số 1210 có hiệu lực thi hành từ ngày 25/5/2016, theo đó, công tác phân loại đô thị có nhiều đổi mới, việc đánh giá phân loại đô thị toàn diện hơn, ngoài khu vực nội thành, nội thị còn đánh giá cả khu vực ngoại thành, ngoại thị và các khu vực quận, phường. Công tác đánh giá phân loại đô thị là một trong những căn cứ để thành lập đơn vị hành chính đô thị, sắp xếp sáp nhập các đơn vị hành chính đô thị. Yêu cầu phân loại đô thị đã cụ thể hơn bảo đảm đô thị được đầu tư xây dựng theo quy hoạch, chương trình, kế hoạch, chất lượng đô thị ngày càng được nâng cao.

Địa phương đã thay đổi nhận thức về công tác phân loại đô thị; Đảng bộ, Hội đồng nhân dân, chính quyền địa phương cấp tỉnh và cấp huyện đã rất quan tâm đến công tác phân loại đô thị; nhiều tỉnh đã có chỉ đạo từ các Nghị quyết trọng tâm, Nghị quyết chuyên đề của Tỉnh ủy, Ban Chấp hành tỉnh Ủy về phát triển đô thị4. Một số Tỉnh thành lập các Ban chỉ đạo để triển khai lập điều chỉnh quy hoạch, lập chương trình phát triển đô thị, tổ chức huy động nguồn lực để đầu tư phát triển đô thị đạt tiêu chí về phân loại đô thị; lập Đề án đề nghị công nhận loại đô thị và đề nghị thành lập đơn vị hành chính đô thị. Hội đồng nhân dân các cấp có ý kiến cụ thể về các đề xuất phân loại đô thị; thông qua đề nghị công nhận loại đô thị trước khi Ủy ban nhân dân Tỉnh trình các cơ quan có thẩm quyền thẩm định, ban hành quyết định công nhận loại đô thị; Sở Xây dựng phát huy và trò chủ trì quản lý quy hoạch và xây dựng chương trình phát triển đô thị, khu vực phát triển đô thị đã có ý kiến thẩm tra về sự phù hợp với quy hoạch và đánh giá sơ bộ mức độ đạt được của các tiêu chí, tiêu chuẩn; đảm bảo việc đánh giá phân loại được thực hiện đứng theo trình tự thủ tục quy định tại Nghị quyết số 1210.

Tuy nhiên, công tác quản lý, kiểm tra giám sát phân loại đô thị triển khai còn nhiều lúng túng tại các cơ quan quản lý nhà nước từ trung ương đến địa phương. Đó là:

- Đối với cơ quan Trung ương: Theo quy định tại Nghị Quyết số 1210, Bộ

---

[4] Nghị quyết số 11-NQ/TU ngày 26/12/2012 của Tỉnh Ủy Đăk lắc về phát triển hệ thống đô thị Đăk Lawk đến năm 2015 và định hướng đến 2021; Nghị quyết số 12-NQ/TU ngày 22/12/2016 Ban Chấp hành đảng Bộ tỉnh Hưng Yên về Chương trình phát triển đô thị toàn tỉnh; Nghị quyết số 138-NQ/TU ngày 01/9/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh Ủy Bắc Giang về đẩy mạnh phát triển đô thị trên địa bàn tỉnh đến năm 2020, định hướng đến năm 2030; Nghị quyết số 02-NQ/TU ngày 04/11/2016 của Tỉnh ủy Quảng Trị về phát triển đô thị tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2016-2021; Đề án 04/ĐA/TU ngày 27/11/2015 về phát triển mạng lưới đô thị tỉnh Lào Cai giai đoạn 2012-2020 của Tỉnh Ủy Lào Cai.

Xây dựng theo thẩm quyền tổ chức thẩm định, công nhận phân loại đô thị đối với đô thị loại III, IV; thẩm định và trình Chính phủ công nhận đô thị loai II, loại I. Tuy nhiên, trong công tác thẩm định nhận thấy mặc dù đã được công nhân loại đô thị nhưng nhiều đô thị cho chưa đạt được các tiêu chuẩn theo quy định như không đạt hoặc đạt tối thiểu. Tuy nhiên việc kiểm tra, giám sát sau phân loại đô thị không có cơ sở để thực hiện định kỳ, vì vậy việc tổng kết đánh giá còn gặp nhiều khó khăn hạn chế công tác xây dựng cơ chế hay đề xuất các mục tiêu phát triển đô thị.

- Đối với cơ quan địa phương: Mặc dù đã có Chương trình Phát triển đô thị, Nghị quyết của các cấp về phát triển đô thị, tuy nhiên sau khi đô thị được phân loại đô thị thì việc chủ động thực hiện hoàn thiện các tiêu chí, tiêu chuẩn phân loại đô thị còn chưa có kế hoạch, định kỳ kiểm tra lại các tiêu chí, tiêu chuẩn đã đạt được về phân loại đô thị.

3.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề:

Tăng cường vai trò của cơ quan quản lý nhà nước về đô thị, chính quyền địa phương cấp tỉnh, cấp huyện trong công tác kiểm tra, giám sát phân loại đô thị. Công tác rà soát, đánh giá các tiêu chuẩn phân loại đô thị sau khi được công nhận phân loại đô thị nhằm kịp thời đề xuất các kế hoạch đầu tư, giải pháp hoàn thiện các tiêu chí, tiêu chuẩn phân loại đô thị.

3.3. Các giải pháp giải quyết vấn đề

a) Giải pháp 1: Không quy định chính sách Quản lý, kiểm tra giám sát về phân loại đô thị

Phương án này đề xuất không bổ sung 1 điều vào dự thảo này về công tác Quản lý, kiểm tra, giám sát về phân loại đô thị

Tác động của giải pháp:

- Về kinh tế: Công tác đầu tư xây dựng theo các nguồn vốn sẽ hạn chế căn cứ, cơ sở và mục đích, nhiều địa phương mặc dù sẽ được đầu tư xây dựng nhiều công trình, huy động nguồn lực đầu tư nhưng việc hoàn thiện cơ sở hạ tầng phát triển đô thị lại vẫn chưa đạt hiệu quả.

- Về xã hội: Thiếu vắng vai trò quản lý nhà nước đối với các đô thị đã được công nhận loại nhưng sau nhiều năm chất lượng đô thị không cải thiện….

- Về giới: Chính sách này không tác động đến giới

- Về thủ tục hành chính: Chính sách này không tác động đến thủ tục hành chính.

a) Giải pháp 1: Quy định về trách nhiệm Quản lý, kiểm tra giám sát về phân loại đô thị

Quy định trách nhiệm Quản lý, kiểm tra giám sát về phân loại đô thị đối với Chính phủ, Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, theo đó phân định rõ vai trách nhiệm và vai trò:

1. Chính phủ có trách nhiệm chỉ đạo, thống nhất quản lý nhà nước về phân loại đô thị trên phạm vi cả nước; xây dựng và ban hành Chương trình phát triển

đô thị quốc gia, cơ chế chính sách phân bổ ngân sách, tài chính, quản lý sử dụng đất đô thị, bảo vệ môi trường đô thị phù hợp với phân loại đô thị;

2. Bộ Xây dựng chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện thống nhất quản lý nhà nước trong hoạt động phân loại đô thị, kiểm tra, giám sát công tác phân loại đô thị và sau khi đô thị được phân loại theo quy định.

3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm:

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng kế hoạch và hoàn thiện các tiêu chuẩn phân loại đô thị chưa đạt hoặc đạt thấp (nếu có) sau khi được phân loại đô thị theo quy định. Hàng năm, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo Bộ Xây dựng kế hoạch và kết quả hoàn thiện những tiêu chuẩn phân loại đô thị chưa đạt. Kết quả hoàn thiện các tiêu chuẩn phân loại đô thị là căn cứ để cơ quan có thẩm quyền xem xét phân loại đô thị cho giai đoạn tiếp theo (nếu có).

b) Đối với các đô thị đã được thành lập, điều chỉnh phạm vi hành chính đô thị hoặc thực hiện sắp xếp sáp nhập đơn vị hành chính đô thị với một hoặc một số đơn vị hành chính cùng cấp khác thì Ủy ban nhân cấp tỉnh phải tổ chức rà soát, điều chỉnh quy hoạch đô thị, chương trình phát triển đô thị, đầu tư phát triển đô thị đảm bảo tiêu chí phân loại đô thị;

c) Định kỳ 5 năm kể từ ngày đô thị được công nhận phân loại, Ủy ban nhân cấp tỉnh phải tổ chức rà soát đô thị trên địa bàn quản lý theo tiêu chí phân loại đô thị, báo cáo Bộ Xây dựng."

Tác động của giải pháp:

- Về kinh tế: Các hoạt động đầu tư, quản lý phát triển đô thị sẽ đạt hiệu quả hơn, thúc đẩy phát triển kinh tế đô thị và trách nhiệm của cơ quan quản lý các cấp về phát triển đô thị

- Về xã hội: Tạo sự tin tưởng của dân cư đô thị trong công tác phân loại không đi theo hình thức mà thực chất nâng cao chất lượng đô thị theo các giai đoạn, có sự kiểm tra, giám sát.

- Về giới: Chính sách này không tác động đến giới

- Về thủ tục hành chính: Chính sách này không tác động đến thủ tục hành chính.

Nơi nhận:
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Ủy ban KHCN&MT của Quốc hội;
- Ủy ban Pháp luật của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Các đơn vị thuộc BXD;
- Lưu: VT, PC, HĐXD.

BỘ TRƯỞNG

Nguyễn Thanh Nghị